ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT CỦA DÂY   TECHNICAL CHARACTERISTICS OF CONDUCTOR.

Tiết diện danh định	Kết cấu	Đường kính ruột dẫn gần đúng (*)	Điện trở DC tối đa ở 20°C	Khối lượng dây gần đúng (*)	Lực kéo đứt nhỏ nhất
Nominal area	*Structure*	*Approx. conductor diameter*	*Max. DC resistance at 20°C*	*Approx. mass*	*Minimum breaking load*
mm^2	N^0 /mm	mm	W/km	kg/km	N
10	7/1,35	4,05	1,8197	90	3758
16	7/1,70	5,10	1,1573	143	6031
25	7/2,13	6,39	0,7336	224	9463
35	7/2,51	7,53	0,5238	311	13141
50	7/3,00	9,00	0,3688	444	17455
70	19/2,13	10,65	0,2723	611	27115
95	19/2,51	12,55	0,1944	849	37637
120	19/2,80	14,00	0,1560	1056	46845
150	19/3,15	15,75	0,1238	1337	55151
185	37/2,51	17,57	0,1001	1657	73303
240	37/2,84	19,88	0,0789	2121	93837
300	37/3,15	22,05	0,0637	2610	107422
400	37/3,66	25,62	0,0471	3523	144988

THIBIDI.VN
THIẾT BỊ ĐIỆN CHUYÊN NGHIỆP

– (*) : *Giá trị tham khảo – Reference value.*

Ngoài ra *CADIVI* cũng có thể sản xuất các loại cáp khác có kết cấu và tiêu chuẩn theo yêu cầu khách hàng.

Also, CADIVI can manufacture cables which have structure and standards in accordance with customer requirements.